

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3-GIA LAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11-8-2025.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Lộc;
- Ông Lê Tiến Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Hữu Xuân Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Mai Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025, về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 724/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025; giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai (Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, trước khi sáp nhập).

2. **Bị đơn:** Anh Trương Ngọc T, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai. (Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, trước khi sáp nhập).

(Chị Nguyễn Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Trương Ngọc T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:**

+ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trương Ngọc T tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 06 tháng 01 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng; vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là anh T không chí thú làm ăn, quan tâm xây dựng hạnh phúc gia đình mà thường xuyên cờ bạc làm phát tán tài sản trong gia đình. Chị Nguyễn Thị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng kéo dài nhưng không có biện pháp hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với anh Trương Ngọc T.

+ Về con chung: Có 02 người con chung là Trương Văn S, sinh ngày 17/12/2011 và Trương Nguyễn Kim H, sinh ngày 05/4/2017. Ly hôn, chị N yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn anh** Trương Ngọc T: Anh Trương Ngọc T có nơi đăng ký thường trú tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai). Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án, nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến về việc Tòa án thụ lý vụ kiện gửi đến Tòa án; cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hoà giải.

- Tại phiên toà: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn chị N giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên. Bị đơn anh Trương Ngọc T vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp “Ly hôn” và bị đơn cư trú tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là xã P, tỉnh Gia Lai) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai) theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Áp dụng các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trương Ngọc T.

+ Về con chung: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Giao 02 người con chung là Trương Văn S, sinh ngày 17/12/2011 và Trương Nguyễn Kim H, sinh ngày 05/4/2017 cho chị Nguyễn Thị N được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, quản lý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu, nên không xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này không làm việc được với anh T. Do đó, không có cơ sở để giải quyết vấn đề tài sản. Khi nào đương sự có yêu cầu về tài sản chung thì sẽ xem xét giải quyết bằng 01 vụ án khác.

+ Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Tuy nhiên, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại Biên lai số 0004377 ngày 25/02/2025 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, chị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là vụ kiện “Ly hôn” và người bị kiện cư trú tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là xã P, tỉnh Gia Lai). Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai).

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trương Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào các điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Trương Ngọc T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trương Ngọc T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 06 tháng 01 năm 2009. LỜI trình bày của chị Nguyễn Thị N là phù hợp với Trích lục kết hôn số: 333/TLKH-BS, ngày 20/8/2024 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là UBND xã P, tỉnh Gia Lai) cấp cho Nguyễn Thị N và Trương Ngọc T (Bản sao). Nên hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Chị N cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra ngày trầm trọng. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là anh T không chí thú làm ăn, quan tâm xây dựng hạnh phúc gia đình mà thường xuyên cờ bạc làm phát tán tài sản trong gia đình và vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án cho anh T, nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến đối với việc Tòa án thụ lý vụ án gửi đến Tòa án; không đến Tòa án để trình bày ý kiến, hoà giải và tại phiên tòa anh T vắng mặt. Điều này cho thấy, anh T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trương Ngọc T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có duy trì cũng không đem lại kết quả. Điều này phù hợp với thực tế và phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N, anh T tại địa phương nơi cư trú. Do đó, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trương Ngọc T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 02 người con chung là Trương Văn S, sinh ngày 17/12/2011 và Trương Nguyễn Kim H, sinh ngày 05/4/2017. Lời trình bày của chị N phù hợp với Giấy khai sinh của Trương Văn S, sinh ngày 17/12/2011 (Bản sao) và Giấy khai sinh của Trương Nguyễn Kim H, sinh ngày 05/4/2017 (Bản sao).

Ly hôn, chị Nguyễn Thị N yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, quản lý 02 người con chung.

Xét yêu cầu nuôi con của chị N là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của cháu S và cháu H và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị N là giao 02 người con chung là Trương Văn S và Trương Nguyễn Kim H cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, quản lý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu, nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bên kia. Khi cần thiết chị N, anh T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do không làm việc được với anh Trương Ngọc T nên vấn đề này sẽ được xem xét trong một vụ án khác, nếu các bên đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm,

nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004377 ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai). Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Trương Ngọc T.

2. Về con chung: Có 02 người con chung là Trương Văn S, sinh ngày 17/12/2011 và Trương Nguyễn Kim H, sinh ngày 05/4/2017. Giao 02 người con chung là Trương Văn S và Trương Nguyễn Kim H cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, quản lý cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N về việc không yêu cầu anh Trương Ngọc T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bên kia. Khi cần thiết chị N, anh T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét trong vụ án này. Khi nào chị Nguyễn Thị N và anh Trương Ngọc T có tranh chấp, yêu cầu thì Tòa án thụ lý, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004377 ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ,

tỉnh Bình Định (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai). Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Trương Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 3-Gia Lai;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Phù Mỹ Đông;
- Lưu VP- HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bá Tùng